

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-PT

Ngày: 06 - 02 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Bé

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2022/DS-PT ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 161/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969. Địa chỉ: đường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973; Địa chỉ: đường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền lập ngày 01/7/2021). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 và ông Trần Kim Q, sinh năm 1979. Địa chỉ: đường D, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho ông Lê Thành Đ, sinh năm: 1998; ông Trần Kim Q ủy quyền cho bà Khắc Thị K, sinh 1999, cùng địa chỉ: đường E, quận

Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền lập ngày 12/8/2022). Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Kim Q trả số tiền 2.625.095.890 đồng, trong đó nợ gốc 2.320.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 5/2021 đến ngày 24/8/2022 là 305.095.890 đồng. Việc vay tiền cụ thể như sau:

Tại Giấy mượn tiền ngày 18/01/2018 ông Q, bà H vay 1.200.000.000 đồng, có chữ ký ông Q, bà H. Trong năm 2019 bị đơn vay thêm nhiều lần, đến ngày 31/12/2019 số nợ là 2.200.000.000 đồng. Ngày 08/01/2020 vay 50.000.000 đồng, ngày 14/3/2020 vay 70.000.000 đồng, đến ngày 17/5/2021 bà H xác nhận nợ 2.320.000.000 đồng. Các bên không thỏa thuận thời hạn vay, mức lãi suất mà tự ghi vào sổ theo dõi của 2 bên. Theo bà L lãi suất bà cho ông Q, bà H vay từ năm 2018 đến trước tháng 01/2020 từ 1 - 1,5%/tháng; từ tháng 01/2020 bà H trả lãi 10.000.000 đồng/tháng; từ tháng 3/2021, trả lãi 3.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày bà và bà L có quan hệ vay tiền từ năm 2013 với nhiều lần vay tiền để trả nợ và kinh doanh; mức lãi suất từ năm 2013 đến 2016 là 1% tháng; từ năm 2017, 2018 có khoản lãi suất từ 2% đến 3% . Bà thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị L số tiền gốc 2.320.000.000 đồng, sẽ chuyển nhượng 02 lô đất để trả nợ, hiện nay bà trả dần mỗi tháng 5.000.000đ.

Bị đơn ông Trần Kim Q không có bản trình bày ý kiến về vụ việc, người đại diện theo ủy quyền của ông Q cho rằng ông Q không biết việc vay mượn tiền nên không chấp nhận trả tiền cho bà L.

Với nội dung vụ án như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trần Kim Q phải trả cho bà Nguyễn Thị L 2.625.095.890 đồng, trong đó nợ gốc là 2.320.000.000đ; nợ lãi là: 305.095.890 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, chi phí giám định, án phí sơ thẩm; quyền kháng cáo của các đương sự, quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 06/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử khấu trừ tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định pháp luật (20%/năm) là 84.350.000 đồng vào nợ gốc; xác định lại thời gian tính lãi; không đồng ý chịu chi phí giám định; đề nghị trừ tiền lãi đã trả vào nợ gốc và xin được trả dần mỗi tháng trả 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn thỏa thuận được việc giải quyết vụ án như sau:

Nguyên đơn giảm cho bị đơn số tiền lãi là 105.095.890 đồng, số tiền còn lại bà Nguyễn Thị H, ông Trần Kim Q phải trả là 2.520.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.320.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm 82.400.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trần Kim Q chịu.

Chi phí giám định 5.000.000 đồng ông Trần Kim Q hoàn trả lại bà Nguyễn Thị L.

[2] Phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[3] Xét thấy các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thanh toán nợ như sau:

Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Kim Q trả cho bà Nguyễn Thị L 2.520.000.000đ (*hai tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng*), trong đó nợ gốc là 2.320.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Kim Q phải chịu 82.400.000 đồng.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 39.365.260 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009342 ngày 08/06/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Kim Q phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002950 ngày 23/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Kim Q có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền chi phí giám định chữ ký là 5.000.000 đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ nghiệp vụ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Quảng